

**HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-TTHĐGSNN ngày 30/6/2020 của Thường trực Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2020 (danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2020, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.



**GS. TS. Châu Văn Minh**



Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

## 7. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

### a) Các chuyên ngành (Specialization):

7.1. Xây dựng cầu, đường bộ, đường sắt, đường thủy, bến cảng, sân bay, kết cấu, vật liệu, nền móng công trình (Bridge, Road, Railway, Waterway, port, Airport Engineering, Structures, Materials, Foundation of Transport Works).

7.2. Tổ chức và quản lý giao thông vận tải; điều khiển trong GTVT biển, sông, sắt, ô tô, hàng không (Organization and Management in Transportation; Control in Transportation).

7.3. Bảo đảm hàng hải, đường thủy (Maritime and Internal waterway safety).

7.4. Khai thác vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường biển, hàng không (Railway, Road, Internal Waterway, Maritime, Airway Transport Operation).

7.5. Máy xây dựng-xếp dỡ, kỹ thuật phương tiện vận tải ô tô, đầu máy, toa xe, tàu thủy (Loading, Unloading and Construction Machines; Transport Mechanical Engineering).

7.6. Bảo vệ công trình giao thông vận tải (Protection of Transport Works).

### b) Danh mục tạp chí được tính điểm

| Số TT | Tên tạp chí                                     | Chỉ số ISSN | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                                                 | Điểm                        |
|-------|-------------------------------------------------|-------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1.    | Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế        |             | Tạp chí | SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$ )                                                          | 0 – 3,0                     |
|       |                                                 |             |         | SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF < 2,0)                                                                | 0 – 2,0                     |
|       |                                                 |             |         | ISI, Scopus                                                                                      | 0 – 1,5                     |
| 2.    | Các tạp chí khoa học quốc tế khác               |             | Tạp chí | Do HĐCDGSLN quyết định từng trường hợp cụ thể                                                    | 0 – 1,25                    |
| 3.    | Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế  |             | Kỷ yếu  | Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN                  | 0 – 1,0                     |
| 4.    | Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia |             | Kỷ yếu  | Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN | 0 – 0,5                     |
| 5.    | Vietnam Journal of Mechanics (Cũ: Cơ học)       | 0866–7136   | Tạp chí | Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam                                                                      | 0 – 1,0                     |
| 6.    | Các khoa học về Trái đất                        | 0886–7187   | Tạp chí |                                                                                                  | 0 – 0,75                    |
| 7.    | Giao thông vận tải                              | 0866–7012   | Tạp chí | Bộ Giao thông Vận tải                                                                            | 0 – 0,75<br>0 – 1,0 từ 2020 |

Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

| Số TT | Tên tạp chí                               | Chỉ số ISSN | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                                                                                   | Điểm                        |
|-------|-------------------------------------------|-------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 8.    | Khoa học Giao thông Vận tải               | 1859-2724   | Tạp chí | Trường ĐH Giao thông Vận tải                                                                                                       | 0 – 0,75<br>0 – 1,0 từ 2020 |
| 9.    | Science Journal of transportation         | 2410-0988   | Tạp chí | Trường ĐH Giao thông Vận tải - ĐH Tổng hợp Kỹ thuật giao thông đường bộ Matxcova Liên bang Nga - ĐH Giao thông Tây Nam Trung Quốc. | 0 – 0,75 từ 2020            |
| 10.   | Khoa học – công nghệ Hàng Hải             | 1859-316x   | Tạp chí | Trường ĐH Hàng Hải                                                                                                                 | 0 – 0,75                    |
| 11.   | Khoa học công nghệ Xây dựng               | 1859-2996   | Tạp chí | Trường ĐH Xây dựng                                                                                                                 | 0 – 0,75                    |
| 12.   | Khoa học và kỹ thuật                      | 1859-0209   | Tạp chí | HV Kỹ thuật Quân sự                                                                                                                | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2016 |
| 13.   | Xây dựng                                  | 0866-0762   | Tạp chí | Bộ Xây dựng                                                                                                                        | 0 – 0,5                     |
| 14.   | Cầu đường Việt Nam                        | 1859-459X   | Tạp chí | Hội Khoa học Kỹ thuật cầu đường VN                                                                                                 | 0 – 0,5                     |
| 15.   | Khoa học và công nghệ xây dựng            | 1859-1566   | Tạp chí | Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Bộ Xây dựng                                                                                      | 0 – 0,5                     |
| 16.   | Kết cấu và công nghệ xây dựng             | 1859-3195   | Tạp chí | Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng                                                                                                  | 0 – 0,5                     |
| 17.   | Phát triển Khoa học và Công nghệ          | 1859-0128   | Tạp chí | Đại học Quốc gia TP. HCM                                                                                                           | 0 – 0,5                     |
| 18.   | Địa kỹ thuật                              | 0868-279X   | Tạp chí | Hội Cơ học đất                                                                                                                     | 0 – 0,5                     |
| 19.   | Kinh tế và Phát triển                     | 1859-0012   | Tạp chí | Trường ĐH Kinh tế quốc dân                                                                                                         | 0 – 0,5                     |
| 20.   | Khoa học và Công nghệ                     | 1859-1531   | Tạp chí | Đại học Đà Nẵng                                                                                                                    | 0 – 0,5                     |
| 21.   | Khoa học và Công nghệ                     | 1859-2171   | Tạp chí | Đại học Thái Nguyên                                                                                                                | 0 – 0,5                     |
| 22.   | Cơ khí Việt Nam                           | 0866-7056   | Tạp chí | Tổng Hội Cơ khí VN                                                                                                                 | 0 – 0,5                     |
| 23.   | Khoa học kỹ thuật Thủy Lợi và Môi trường  | 1859-1941   | Tạp chí | Trường ĐH Thủy lợi                                                                                                                 | 0 – 0,5                     |
| 24.   | Năng lượng Nhiệt (Tên cũ: KH và CN nhiệt) | 0868-3336   | Tạp chí | Hội Khoa học Kỹ thuật Nhiệt VN                                                                                                     | 0 – 0,5                     |

Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HDGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

| Số TT | Tên tạp chí                                                       | Chỉ số ISSN              | Loại    | Cơ quan xuất bản                                                                                                                                             | Điểm                        |
|-------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 25.   | Khoa học và công nghệ Việt Nam (Series B)                         | 1859-4794                | Tạp chí | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                     | 0 – 0,5<br>0 – 0,75 từ 2020 |
| 26.   | Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (Series C) | 2525-2461                | Tạp chí | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                                                     | 0 – 0,75 từ 2020            |
| 27.   | Khoa học & công nghệ các trường Đại học kỹ thuật                  | 0868-3980                | Tạp chí | Trường ĐHBKHN, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN – ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế – Kỹ thuật công nghiệp, Trường ĐHBK TP. HCM, Trường ĐH SPKT TP. HCM, HV CNBCVT | 0 – 0,5                     |
| 28.   | Khoa học và công nghệ Biển                                        | 1859-3097                | Tạp chí | Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam                                                                                                                                  | 0 – 0,5                     |
| 29.   | Khoa học công nghệ Giao thông Vận tải                             | 1859-4263                | Tạp chí | Trường ĐH Giao thông Vận tải TP.HCM                                                                                                                          | 0 – 0,5                     |
| 30.   | Kiến trúc Việt Nam                                                | 0868-3786                | Tạp chí | Bộ Xây dựng                                                                                                                                                  | 0 – 0,25                    |
| 31.   | Kiến trúc                                                         | 0866-8617                | Tạp chí | Hội kiến trúc sư Việt Nam                                                                                                                                    | 0 – 0,25                    |
| 32.   | Công nghệ Mỏ                                                      | 0868-7052                | Tạp chí | Hội khoa học Công nghệ Mỏ                                                                                                                                    | 0 – 0,25                    |
| 33.   | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                               | 0866-7020                | Tạp chí | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                                                                       | 0 – 0,25                    |
| 34.   | Khoa học công nghệ Thủy Sản                                       | 1859-2252                | Tạp chí | Trường ĐH Nha Trang                                                                                                                                          | 0 – 0,25                    |
| 35.   | Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ                       | 2588-1175<br>e-2615-9732 | Tạp chí | Đại học Huế                                                                                                                                                  | 0 – 0,5 từ 2020             |

**c) Nhà xuất bản có uy tín**

- *Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới:* Nhà xuất bản trên thế giới bằng 05 thứ tiếng thông dụng (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc), nội dung sách liên quan đến các lĩnh vực GTVT; NXB bằng thứ tiếng khác do Hội đồng ngành GTVT xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

- *Nhà xuất bản trong nước có uy tín:* Khoa học kỹ thuật; Giao thông vận tải; Xây dựng; Giáo dục Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; ĐD Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Các NXB khác do Hội đồng ngành GTVT xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

**d) Tác giả chính:** Tác giả chính được lấy là chủ biên, nếu không rõ chủ biên thì các tác giả được tính là đồng tác giả.